



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

Ngành: SINH LÝ HỌC THỰC VẬT

ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2018

(Đính kèm Quyết định số 3037/QĐ-KHTN, ngày 28/12/2018)

1. Thời gian đào tạo:

- NCS chưa có bằng thạc sĩ: 4 năm
- NCS đã có bằng thạc sĩ: 3 năm.

2. Hình thức đào tạo: chính quy

3. Cấu trúc chương trình đào tạo:

| Đối tượng NCS | Tổng số tín chỉ | Trong đó gồm | | | |
|--------------------------|-----------------|--|--|---------|-----------------|
| | | Học phần bổ sung | Học phần trình độ tiến sĩ | | Luận án tiến sĩ |
| | | | Bắt buộc (9 tín chỉ) | Tự chọn | |
| NCS chưa có bằng thạc sĩ | ≥ 130 | ≥ 30 (NCS học các môn học cơ sở và chuyên ngành của chương trình thạc sĩ) | - Tiêu luận tổng quan (3TC) - Chuyên đề tiến sĩ (2 CĐ- 6 tín chỉ) | 11 | 80 |
| NCS đã có bằng thạc sĩ | 100 | Áp dụng đối với NCS có bằng Thạc sĩ ngành gần hoặc ngành khác. Số tín chỉ bổ sung được xét theo từng trường hợp cụ thể trước khi nhập học. | - Tiêu luận tổng quan (3TC) - Chuyên đề tiến sĩ (2 CĐ- 6 tín chỉ) | 11 | 80 |

4. Khung chương trình đào tạo:

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|-----|------------|---|------------|----|----------|
| | | | Tổng số | LT | TH,TN,TL |
| A | | Học phần bổ sung kiến thức | | | |
| 1 | | <i>NCS chưa có bằng thạc sĩ</i> | | | |
| | | Môn học cơ sở và chuyên ngành của bậc thạc sĩ ngành Sinh học thực nghiệm - Sinh lý thực vật | 32 | | |
| 2 | | <i>NCS có bằng thạc sĩ ngành gần</i> | | | |
| | | Xét theo từng đối tượng người học | | | |
| B | | Học phần trình độ tiến sĩ | | | |
| B.1 | | Học phần bắt buộc | 9 | | |
| 1 | TLTQ | Tiêu luận tổng quan | 3 | | |
| 2 | CDTS01 | Chuyên đề tiến sĩ 1 | 3 | | |
| 3 | CDTS02 | Chuyên đề tiến sĩ 2 | 3 | | |



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|------------|------------|---|------------|----|----------|
| | | | Tổng số | LT | TH,TN,TL |
| B.2 | | Học phần tự chọn | 11 | | |
| 1 | DSH039 | Biến dưỡng Carbohydrate và mối quan hệ “Source- Sink” trong cây | 3 | 2 | 1 |
| 2 | DSH040 | Cơ sở phân tử và tế bào của sự phát triển thực vật | 4 | 2 | 2 |
| 3 | DSH042 | Kiểm soát hoạt động biến dưỡng thứ cấp ở thực vật | 3 | 2 | 1 |
| 4 | 5DSH043 | Ứng dụng chất điều hòa tăng trưởng thực vật | 3 | 2 | 1 |
| 5 | DSH044 | Các con đường chuyển electron liên quan tới sự chuyển đổi năng lượng ở thực vật | 3 | 2 | 1 |
| 6 | DSH047 | Biến dưỡng và kiểm soát biến dưỡng lipid | 3 | 2 | 1 |
| 7 | DSH048 | Những vấn đề sinh lý thực vật mới công bố | 4 | 2 | 2 |
| 8 | DSH077 | Kiểm soát sự phát sinh hình thái tế bào thực vật | 3 | 2 | 1 |
| 9 | DSH078 | Sinh học tảo | 3 | 2 | 1 |
| 10 | DSH079 | Ứng dụng Sinh học phân tử trong khoa học thực vật | 3 | 2 | 1 |
| 11 | | Một môn học có liên quan đến sinh lý thực vật thuộc các ngành khác của khoa Sinh – CNSH hoặc ngành khác (nếu các môn trên không mở) | 3 | | |
| C | | Luận án tiến sĩ | 80 | | |
| D | | Bài báo khoa học (*) | | | |



(*) Qui định bài báo khoa học

- Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải có ít nhất hai bài báo khoa học (*nghiên cứu sinh là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc (corresponding author); có ghi tên trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM theo tên NCS.*).
- Tên trường Đại học Khoa học Tự nhiên phải được ghi trong tên của NCS khi đăng bài báo khoa học. Qui cách viết tên trường như sau:

- Tên tiếng Việt: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG.HCM-VN;
- Tên tiếng Anh: University of Science, VNU.HCM

(ví dụ: *Nguyễn Văn A⁽¹⁾⁽²⁾, trong đó, ⁽¹⁾ là tên Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ⁽²⁾ là tên cơ quan chủ quản của NCS.*)